

Số: 02/2022/QĐST-HNGĐ

P, ngày 20 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- Căn cứ vào các Đ 212, 213, khoản 4 Đ 397; Đ 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Đ 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 101/2021/TLST-HNGĐ ngày 31/12/2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985;

Đăng ký HKTT: Thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh H;

- Anh Nguyễn Công Đ, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 16/5/2013;

Đăng ký HKTT: Thôn H, xã Đ, huyện P, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh H;

Người đại diện hợp pháp của cháu T: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Công Đ là bố mẹ đẻ của cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Công Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh H vào ngày 08/9/2006 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa

chị T và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, chị T và anh Đ sống với nhau tình cảm vợ chồng bình thường, đến tháng 12/2019 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống với nhau không được hòa hợp, không có hạnh phúc. Chị T và anh Đ đã có thời gian sống ly thân nhau từ tháng 12/2019 đến tháng 08/2021 vợ chồng lại quay về chung sống cùng nhau nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện nên vợ chồng lại tiếp tục sống ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có cuộc sống chung, không còn quan T và có trách nhiệm gì với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T và anh Đ đều thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận. Xét đây là sự tự nguyện của chị T và anh Đ nên cần được chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Công Đ xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 16/5/2013. Chị T và anh Đ thỏa thuận thống nhất giao cháu Nguyễn Thành T cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, tự lập được. Chị T và anh Đ thỏa thuận anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Xét thấy đây là sự tự thỏa thuận của các bên đương sự nên cần được ghi nhận.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Công Đ đều xác định anh, chị không có gì, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Công Đ thỏa thuận thống nhất chị T tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật. Xét đây là sự tự thỏa thuận của các bên đương sự nên cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Công Đ tự nguyện thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Công Đ thỏa thuận thống nhất giao cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 16/5/2013 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, tự lập được. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Công Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Công Đ đều xác định anh, chị không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Công Đ thỏa thuận chị T tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006052 ngày 31/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H. Chị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra NVXX và THAHS
- TAND tỉnh H;
- UBND xã H (GCNKH số 45/2006)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền